

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **80/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 21- 12-2020

V/v “*Ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Diễm Kiều**

2. Ông **Nguyễn Văn Thương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thu Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 549/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXX - ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A, ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

Bi đơn: Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1987; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, bản tự khai bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông A đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2017. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do mâu thuẫn bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau, ông A không lo kinh tế gia đình. Bà H và ông A đã sống ly thân từ tháng

01/2020 đến nay. Mặc dù đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do không còn tình cảm nên nay bà H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 27/8/2017, bà H yêu cầu nuôi cháu B, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do chính đáng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các bên đương sự tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật; riêng ông Nguyễn Hoàng A vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng A đã đến mức trầm trọng; đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Hoàng A. Về con chung: bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hồng B, sinh ngày 27/8/2017, ông Nguyễn Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị H tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A đang cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng A kết hôn vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/8/2017 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau, ông A không lo kinh tế gia đình. Ông Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng vắng mặt không có lý do, cho thấy ông A đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Cả hai đã ly thân từ tháng 01/2020 đến nay nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với bà Trương Thị C (là mẹ ruột của ông Nguyễn Hoàng A) xác nhận mối quan hệ hôn nhân của bà H và ông A là do mai mối không có quen biết từ trước; từ khi cưới nhau, bà H không có về sống chung với gia đình bên chồng, chỉ có ông A qua lại giữa hai nhà. Từ những điều trên cho thấy cả hai không ai còn quan tâm và chăm sóc cho nhau, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Hoàng A là phù hợp quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn, đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng A có 01 con chung tên: Nguyễn Hồng B, sinh ngày 27/8/2017, hiện do bà H nuôi dưỡng từ nhỏ. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Bà H có công việc ổn định, đảm bảo điều kiện để chăm sóc giáo dục con chung, hiện tại cháu B vẫn được bà H nuôi dưỡng phát triển bình thường. Để đảm bảo việc phát triển ổn định về vật chất và tinh thần cho cháu B nên giao cháu B cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Hoàng A. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng A chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị H không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hồng B, sinh ngày 27/8/2017, ông Nguyễn Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị H tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Hoàng A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001554 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền